

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-PT
Ngày 23 tháng 11 năm 2018
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Duy Giá

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Bà Phạm Thị Thúy Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 24/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: khu x, thôn B, xã Z, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Minh A, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu I, xã U, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người Đại diện hợp pháp của anh A: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958 (là mẹ đẻ của anh Đỗ Minh A), nơi cư trú: khu I, xã U, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Minh A ngày 19 tháng 3 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị và anh Đỗ Minh A ở chung cùng bà C là mẹ đẻ anh A. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, thường xuyên có va chạm, nguyên nhân là do anh A sống phụ thuộc vào mẹ đẻ, không gánh vác được công việc gia đình, không quan tâm đến vợ con. Ngoài ra, anh A còn có khuyết tật ở chân tay, làm việc khó khăn hơn người bình thường và đang được hưởng trợ cấp xã hội tại địa phương, anh A vẫn nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Ngày 16 tháng 5 năm 2017 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là Đỗ Hương G, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2016. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Hương G, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 6.000.000/tháng.

Về tài sản và các vấn đề khác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Minh A trình bày: Về thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh chị không có va chạm và không mâu thuẫn gì. Đến ngày 16 tháng 5 năm 2017 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ đó không về nhà anh nữa, anh cũng không hiểu lý do vì sao, nay lại xin ly hôn với anh. Quan điểm của anh là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, bản thân anh có khuyết tật ở chân tay, anh vẫn lao động bình thường, trường hợp chị H không đồng ý về đoàn tụ thì anh vẫn không đồng ý ly hôn. Anh khẳng định anh vẫn có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Hương G, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2016, nay đang ở với anh và mẹ anh. Nếu ly hôn anh và mẹ anh xin được nuôi cháu Hương G vì từ bé anh và mẹ anh là người đã chăm sóc cháu G, chị H bỏ đi không về thăm con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và các vấn đề khác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bà Nguyễn Thị C trình bày: Anh A con trai bà có khuyết tật ở chân tay, hàng ngày vẫn làm việc và hoạt động bình thường, chân đi hơi yếu, về khả năng nhận thức và làm chủ hành vi thì anh A vẫn nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị H, anh A đoàn tụ. Nếu phải ly hôn thì bà và anh A xin được nuôi cháu Hương G.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 24/2018/HNGĐ-ST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Minh A.

[2] Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Hương G, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2016; anh Đỗ Minh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/8/2018 Bà Nguyễn Thị C kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm để giao cháu Đỗ Hương G cho anh Đỗ Minh A và bà nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không chấp nhận đơn kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 24/2018/HNGĐ-ST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà C được làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bà C kháng cáo không đồng ý giao cháu Đỗ Hương G cho Chị Nguyễn Thị H nuôi vì bà là người nuôi dưỡng cháu khi chị H bỏ đi, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Việc chị H bỏ về nhà mẹ đẻ từ ngày 16 tháng 5 năm 2017 là do giữa chị H và anh Đỗ Minh A có mâu thuẫn dẫn đến việc chị phải làm đơn xin ly hôn anh. Bà C cho rằng từ khi chị H sinh con đã không chăm sóc, nuôi dưỡng con, nhưng đó cũng chỉ là lời khai một phía của bà không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H đồng ý để cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hương G; Theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, nên cả chị H và anh A là những người có đủ năng lực dân sự, đều có quyền nuôi con, và trách nhiệm nuôi con. Xét điều kiện nuôi con của chị H, anh A: Chị H là người có nghề nghiệp, có thu nhập riêng, bản thân chị H không có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, chị có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, trong khi đó anh Đỗ Minh A bị thương tật từ năm

2010, mặc dù theo như bà C là anh vẫn tự chăn nuôi có thu nhập nhưng thu nhập không ổn định và phải có sự hỗ trợ từ gia đình và trợ cấp xã hội; Hơn nữa cháu Đỗ Hương G tại thời điểm xét xử sơ thẩm cũng như xét xử phúc thẩm vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 con dưới 36 tháng trong trường hợp này được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Đỗ Hương G cho chị H nuôi là vì sự phát triển bình thường của đứa trẻ, hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của bà C không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đồng nghĩa với việc: Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sai sót của bản án sơ thẩm: Bản án sơ thẩm xác định Bà Nguyễn Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện của anh Đỗ Minh A là không đúng vì: Anh A là người có đủ năng lực dân sự; Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Đỗ Hương G thuộc về anh A và chị H theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, trong trường hợp này bà C không có quyền lợi, nghĩa vụ gì với cháu G. Xác định tư cách tố tụng của cấp sơ thẩm nêu trên đối với bà C trong vụ án này là vi phạm thủ tục tố tụng, lẽ ra phải hủy án sơ thẩm để cấp sơ thẩm làm lại mới đúng. Tuy nhiên theo nhận xét bên trên về đường lối xét xử vụ án, nếu hủy bản án sơ thẩm chỉ làm kéo dài vụ án, gây khó khăn cho các đương sự không cần thiết. Vì vậy cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc xác định chính xác tư cách đương sự trong vụ án dân sự.

[3] Án phí phúc thẩm: Do Bà Nguyễn Thị C thuộc diện người cao tuổi và cận nghèo, bà có đơn xin miễn nộp tiền án phí phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí cho bà C

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 24/2018/HNGĐ-ST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc về giao nuôi con chung:

Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Giao cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Đỗ Hương G, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2016; anh Đỗ Minh A không phải cấp dưỡng

nuôi con chung cùng chị H nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị C được miễn án phí phúc thẩm.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T ;
- Tòa án nhân dân huyện T ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Duy Giá